



THE PAN GROUP

Số/No.: 070.22/PAN-CV

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2022  
Hanoi, 28<sup>th</sup> October 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES COMMISSION'S  
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

**Kính gửi/ To:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: PAN
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Người công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông/Mr. Nguyễn Anh Tuấn

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

Công ty cổ phần Tập đoàn PAN công bố các tài liệu sau:

*The PAN Group Joint Stock Company discloses the following information:*

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2022.  
*QIII/2022 Consolidated Financial Statement and Separate Financial Statement.*
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kì (trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2022).  
*Explanation of the difference in profit after tax in comparison with the same period (presented in the QIII/2022 Consolidated Financial Statement and Separate Financial Statement).*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/10/2022 tại đường dẫn: <http://www.thepangroup.vn>, chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư/Công bố thông tin.

*This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 28/10/2022. Available at: <http://www.thepangroup.vn>, tab Investor Relation/Information Disclosure.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation./.*

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN**  
**Người được ủy quyền CBTT**  
**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**



**Nguyễn Anh Tuấn**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2022



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 28

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Phạm Viêt Muôn	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022
Ông Manabu Ueda	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viêt Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.947.166.925.951</b>	<b>3.707.223.740.404</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>505.813.729.874</b>	<b>526.670.756.792</b>
111	1. Tiền		61.113.729.874	1.670.758.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		444.700.000.000	524.999.998.193
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.099.969.995.537</b>	<b>2.895.370.776.438</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	1.099.969.995.537	2.895.370.776.438
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>337.535.583.743</b>	<b>284.143.515.428</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	17.740.807.833	17.884.114.271
132	2. Trả trước cho người bán		1.314.920.156	402.518.644
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	317.400.000.000	256.354.718.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	18.820.663.587	27.386.278.784
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(17.740.807.833)	(17.884.114.271)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.847.616.797</b>	<b>1.038.691.746</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	318.486.754	715.938.179
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		290.093.991	293.633.992
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	3.239.036.052	29.119.575
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.593.482.849.133</b>	<b>3.572.005.890.515</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>89.200.000</b>	<b>89.200.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		89.200.000	89.200.000
<b>220</b>	<b>II Tài sản cố định</b>	<b>11</b>	<b>10.191.762.706</b>	<b>11.372.057.177</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		10.191.762.706	11.372.057.177
222	Nguyên giá		26.359.896.097	26.359.896.097
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.168.133.391)	(14.987.838.920)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.583.062.081.546</b>	<b>3.560.020.236.664</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	4.611.047.677.860	3.586.545.181.572
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.985.596.314)	(26.524.944.908)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>139.804.881</b>	<b>524.396.674</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	139.804.881	524.396.674
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.540.649.775.084</b>	<b>7.279.229.630.919</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.526.800.547.263</b>	<b>4.322.460.694.299</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.526.800.547.263</b>	<b>3.199.817.822.053</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	383.492.566	1.093.998.141
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	111.591.797	6.645.395.922
314	4. Phải trả người lao động		13.763.687	10.263.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.015.049.810	27.216.564.022
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	25.028.080.728	5.454.091.891
320	7. Vay ngắn hạn	17	3.475.383.539.782	3.142.940.000.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.769.755.760	9.769.755.760
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.886.964.234	6.479.443.731
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>1.122.642.872.246</b>
338	1. Vay dài hạn	17	-	1.122.642.872.246
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.013.849.227.821</b>	<b>2.956.768.936.620</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>3.013.849.227.821</b>	<b>2.956.768.936.620</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		904.770.143.351	904.770.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(167.828.836.328)	(167.828.836.328)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		101.808.322.530	44.728.031.329
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37.728.031.329	10.447.460.761
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		64.080.291.201	34.280.570.568
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.540.649.775.084</b>	<b>7.279.229.630.919</b>

Người lập biểu



Trần Thị Trang

Kế toán trưởng



Văn Thị Ngọc Ánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trà My

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 3/2022	Quý 3/2021	Năm 2022	Năm 2021
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	19	29.743.183.897	24.923.498.002	265.836.325.419	120.002.692.145
22	2. Chi phí tài chính	20	(61.659.335.860)	(40.434.946.105)	(176.954.747.881)	(114.147.883.564)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(48.154.485.970)	(40.395.432.841)	(162.148.636.007)	(113.395.201.776)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(6.957.814.522)	(5.511.998.020)	(24.804.691.752)	(18.452.965.638)
30	4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(38.873.966.485)	(21.023.446.123)	64.076.885.786	(12.598.157.057)
31	5. Thu nhập khác		1.247.758	1.000.000	3.405.415	1.170.208
40	6. Lợi nhuận khác		1.247.758	1.000.000	3.405.415	1.170.208
50	7. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế		(38.872.718.727)	(21.022.446.123)	64.080.291.201	(12.596.986.849)
51	8. Thu nhập thuế TNDN hiện hành	23	-	-	-	-
60	9. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		(38.872.718.727)	(21.022.446.123)	64.080.291.201	(12.596.986.849)

Người lập biểu



Trần Thị Trang

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng



Văn Thị Ngọc Ánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trà My



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)**  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>64.080.291.201</b>	<b>(12.596.986.849)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11	1.180.294.471	1.180.294.471
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.317.344.968	(5.185.639.760)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái		12.880.876.943	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19	(265.517.466.822)	(120.002.692.145)
06	Chi phí lãi vay	20	162.148.636.007	113.395.201.776
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(23.910.023.232)</b>	<b>(23.209.822.507)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		9.381.966.391	4.222.749.239
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		10.507.217.481	(3.066.974.012)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		782.043.218	(14.792.915.524)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		1.795.400.780.901	150.795.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(160.046.146.659)	(115.760.657.535)
15	Thuế TNDN đã nộp		(9.222.374.368)	(969.185.849)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(592.479.497)	(2.117.975.136)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.622.300.984.235</b>	<b>(4.899.781.324)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(273.900.000.000)	(58.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		212.854.718.000	723.640.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.027.892.649.543)	(848.591.497.500)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		251.234.788.060	161.825.948.791
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(837.703.143.483)</b>	<b>(21.925.548.709)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		4.559.300.000.000	2.795.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.364.755.000.000)	(2.320.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(104.422.468.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(805.455.000.000)</b>	<b>370.577.531.500</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(20.857.159.248)	343.752.201.467
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		526.670.756.792	1.110.055.445.013
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		132.330	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	505.813.729.874	1.453.807.646.480

Người lập biểu



Trần Thị Trang

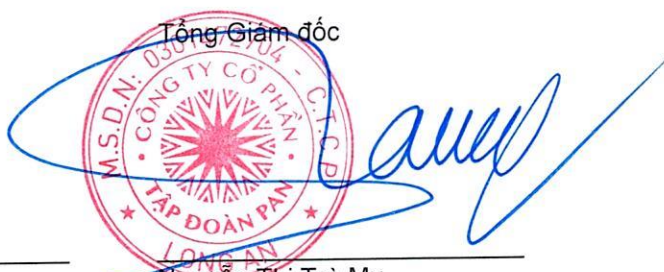
Ngày 28 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng



Văn Thị Ngọc Ánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trà My

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 18).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 9 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính riêng.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Khác	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư phát triển  
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi  
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.13 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và nợ vay.

##### *Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	137.298.000	327.178.500
Tiền gửi ngân hàng	60.976.431.874	1.343.580.099
Các khoản tương đương tiền	444.700.000.000	524.999.998.193
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>505.813.729.874</u></b>	<b><u>526.670.756.792</u></b>

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	1.099.969.995.537	2.895.370.776.438
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.099.969.995.537</u></b>	<b><u>2.895.370.776.438</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bên thứ ba	17.740.807.833	17.884.114.271
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.740.807.833</u></b>	<b><u>17.884.114.271</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(17.740.807.833)</u>	<u>(17.884.114.271)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bên thứ ba	150.000.000.000	103.354.718.000
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	167.400.000.000	153.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>317.400.000.000</u></b>	<b><u>256.354.718.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi dự thu	18.029.664.777	26.118.764.497
Ký quỹ	390.504.666	590.504.666
Tạm ứng nhân viên	284.469.144	281.014.621
Chi hộ	51.187.500	388.290.000
Khác	64.837.500	7.705.000
	<b>18.820.663.587</b>	<b>27.386.278.784</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
	<b>18.909.863.587</b>	<b>27.475.478.784</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>10.501.273.328</i>	<i>8.178.791.370</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>8.408.590.259</i>	<i>19.296.687.414</i>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2022
Công cụ, dụng cụ	103.565.767	126.743.625	(101.528.028)	128.781.364
Phí dịch vụ khác	612.372.412	429.901.040	(852.568.062)	189.705.390
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>715.938.179</b>	<b>556.644.665</b>	<b>(954.096.090)</b>	<b>318.486.754</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2022
Công cụ, dụng cụ	139.527.170	-	(97.883.893)	41.643.277
Chi phí sửa chữa văn phòng	384.869.504	-	(288.239.631)	96.629.873
Khác	-	2.872.000	(1.340.269)	1.531.731
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>524.396.674</b>	<b>2.872.000</b>	<b>(387.463.793)</b>	<b>139.804.881</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

					VNĐ
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	<u>13.778.633.885</u>	<u>11.514.060.062</u>	<u>874.811.650</u>	<u>192.390.500</u>	<u>26.359.896.097</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	4.511.889.599	644.151.180	408.582.150	-	5.564.622.929
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(9.191.714.623)	(5.050.406.733)	(674.060.896)	(71.656.668)	(14.987.838.920)
Khấu hao trong kỳ	<u>(278.934.282)</u>	<u>(809.620.776)</u>	<u>(62.880.841)</u>	<u>(28.858.572)</u>	<u>(1.180.294.471)</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	<u>(9.470.648.905)</u>	<u>(5.860.027.509)</u>	<u>(736.941.737)</u>	<u>(100.515.240)</u>	<u>(16.168.133.391)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>4.586.919.262</u>	<u>6.463.653.329</u>	<u>200.750.754</u>	<u>120.733.832</u>	<u>11.372.057.177</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	<u>4.307.984.980</u>	<u>5.654.032.553</u>	<u>137.869.913</u>	<u>91.875.260</u>	<u>10.191.762.706</u>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 12.1)	4.611.047.677.860	3.586.545.181.572
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.611.047.677.860</u></b>	<b><u>3.586.545.181.572</u></b>

#### 12.1 Đầu tư vào công ty con

	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</u>	
	Tỷ lệ vốn năm giữ trực tiếp (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ vốn năm giữ trực tiếp (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	99,99	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	-	-	99,99	199.980.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	81,91	999.900.000.000	81,91	999.900.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	80,52	166.227.626.000	80,52	166.227.626.000
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	79,59	60.200.000.000	79,59	60.200.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	76,47	238.253.620.500	78,33	238.253.620.500
Công Ty Cổ Phần Thủy sản 584 Nha Trang	73,45	148.916.315.745	73,45	150.669.484.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	37,75	671.414.451.072	37,75	671.414.451.072
Công ty Cổ phần Bibica	98,31	1.226.235.664.543	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	28,57	100.000.000.000	28,57	100.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>4.611.047.677.860</u></b>		<b><u>3.586.545.181.572</u></b>

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần phân phối hàng tiêu dùng PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1101912597 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 3 năm 2019. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1/1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0107519768 do SKHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại tầng 15, tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1100107301 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 12 tháng 7 năm 1995 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại số 81B Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Cà Phê Golden Beans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0314681060 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 10 năm 2017 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại 497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5503000010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam, Việt Nam.

Công Ty Cổ Phần Thủy sản 584 Nha Trang là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4200636551 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02 tháng 3 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại 1210 Lê Hồng Phong, P.Phước Long, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2200208753 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại Km2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Công Ty Cổ Phần Bibica là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600363970 do SKHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 433 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam GCNĐKDN số 2200780985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2020. Công ty có trụ sở chính tại Lô B, KCN An Hiệp, huyện An Thành, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Bên thứ ba</b>	<b><u>383.492.566</u></b>	<b><u>1.093.998.141</u></b>

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2022
Thuế Giá trị gia tăng	3.540.000	128.461.512	(132.001.512)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.983.338.316	-	(9.222.374.368)	(3.239.036.052)
Thuế thu nhập cá nhân	658.517.606	3.013.846.231	(3.611.137.137)	61.226.700
Khác	(29.119.575)	85.828.891	(6.344.219)	50.365.097
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.616.276.347</u></b>	<b><u>3.228.136.634</u></b>	<b><u>(12.971.857.236)</u></b>	<b><u>(3.127.444.255)</u></b>
Trong đó:				
Phải nộp	6.616.276.347			111.591.797
Trả trước		-		(3.239.036.052)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí lãi	7.391.799.810	24.974.684.932
Chi phí khác	623.250.000	2.241.879.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.015.049.810</u></b>	<b><u>27.216.564.022</u></b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.075
Lãi vay	20.321.985.756	1.187.621.919
Khác	4.613.314.896	4.173.689.897
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.028.080.728</u></b>	<b><u>5.454.091.891</u></b>

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Vay ngắn hạn ngân hàng, vay khác	2.352.240.000.000	3.142.940.000.000
Trái phiếu	1.135.000.000.000	1.135.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(11.856.460.218)	(12.357.127.754)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.475.383.539.782</u></b>	<b><u>4.265.582.872.246</u></b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
						VNĐ
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	119.124.835.761	3.031.165.741.052
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(12.596.986.849)	(12.596.986.849)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.230.000.000)	(2.230.000.000)
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</b>	<b>2.163.585.800.000</b>	<b>904.770.143.351</b>	<b>(167.828.836.328)</b>	<b>11.513.798.268</b>	<b>(2.149.526.088)</b>	<b>2.909.891.379.203</b>
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	44.728.031.329	2.956.768.936.620
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	64.080.291.201	64.080.291.201
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Quỹ Hoạt động phát triển bền vững	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>	<b>2.163.585.800.000</b>	<b>904.770.143.351</b>	<b>(167.828.836.328)</b>	<b>11.513.798.268</b>	<b>101.808.322.530</b>	<b>3.013.849.227.821</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
Tăng trong kỳ	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.163.585.800.000</b>	<b>2.163.585.800.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức trả bằng tiền	-	104.422.468.500
Cổ tức đã công bố và chưa chi trả	-	24.906.500

**18.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	Số cổ phần	Số cổ phần
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>216.358.580</b>	<b>216.358.580</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	216.358.580	216.358.580
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	(7.463.830)	(7.463.830)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	208.894.750

**19. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
Thu nhập từ cổ tức	152.222.596.745	35.113.460.000
Lãi tiền gửi	84.883.697.986	27.508.991.265
Lãi cho vay	11.613.947.091	57.228.929.880
Thu nhập từ chuyển nhượng đầu tư	16.593.825.000	-
Khác	522.258.597	151.311.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>265.836.325.419</b>	<b>120.002.692.145</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>
		VNĐ
Chi phí lãi vay	162.148.636.007	113.395.201.776
Dự phòng đầu tư tài chính	1.460.651.406	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	13.199.867.870	-
Khác	145.592.598	752.681.788
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>176.954.747.881</u></b>	<b><u>114.147.883.564</u></b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>
		VNĐ
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.310.137.106	13.181.523.164
Chi phí cho nhân viên	9.425.419.551	8.658.642.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 11)	1.180.294.471	1.180.294.471
Hoàn nhập dự phòng	(143.306.438)	(5.185.639.760)
Chi phí khác	32.147.062	618.144.808
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.804.691.752</u></b>	<b><u>18.452.965.638</u></b>

**22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>
		VNĐ
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.310.137.106	13.181.523.164
Chi phí cho nhân viên	9.425.419.551	8.658.642.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 11)	1.180.294.471	1.180.294.471
Hoàn nhập dự phòng	(143.306.438)	(5.185.639.760)
Chi phí khác	32.147.062	618.144.808
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.804.691.752</u></b>	<b><u>18.452.965.638</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>
		VND
Lợi nhuận trước thuế	64.080.291.201	(12.596.986.849)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	28.307.551.283	24.580.516.660
Điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	(152.222.596.745)	(35.113.460.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	<u>(59.834.754.261)</u>	<u>(23.129.930.189)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.983.338.316	(1.437.319.924)
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(9.222.374.368)</u>	<u>(969.185.849)</u>
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	<u><b>(3.239.036.052)</b></u>	<u><b>(2.406.505.773)</b></u>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	VNĐ
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi tiền gửi Phí lưu ký, đại lý, dịch vụ khác Lãi từ hoạt động đầu tư	2.899.321.924 1.098.123.435 24.378.731.450	1.932.282.916 736.160.370 46.415.019.000	
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Thu hồi khoản cho vay Lãi vay Chuyển nhượng Cổ phiếu	- - - 23.753.700.905 501.837.505.000	3.800.000.000 12.955.467.733 514.640.000.000 - 583.847.741.500	
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con gián tiếp	Lãi vay Đi vay Trả gốc vay Cổ tức	585.616.440 - - 26.997.300.000	500.684.931 17.808.219 35.000.000.000 -	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con	Cổ tức	49.369.356.000	35.113.460.000	
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con	Vốn góp Chi hộ Lãi đi vay Gốc vay Hoàn gốc vay	1.242.569.682.000 29.400.000 - - -	- 84.787.500 7.671.233 20.000.000.000 20.000.000.000	
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty con	Chi hộ	-	-	49.875.000

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	VNĐ
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Thu cho vay Lãi cho vay Thu lãi cho vay Cho vay Cổ tức	- 6.467.143.838 - 24.100.000.000 49.995.000.000	194.000.000.000 8.895.835.617 4.347.863.014 40.000.000.000 -	
Công ty cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty con	Mua hàng hóa Gốc vay Lãi vay	28.172.714 - -	11.000.000.000 27.123.288	
Công ty cổ phần thực phẩm Khang An	Công ty con	Vốn góp Cổ tức	- 4.900.000.000	- 100.000.000.000	
Công ty cổ phần thủy sản 584 Nha Trang	Công ty con	Mua hàng hóa Cổ tức	2.520.000 4.702.051.000	- -	
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	Công ty con	Cổ tức Chi hộ	18.012.058.000 -	- 189.000.000	
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cổ đồng	Phí dịch vụ	148.500.000	-	
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Phí dịch vụ	61.231.900	313.711.400	
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	51.187.500	
Công ty TNHH Thương mại Cocolo Food	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.478.709.975	-	
Công ty TNHH Hải Yến	Bên liên quan	Mua dịch vụ	593.728.583	-	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	VNĐ
<b>Phải thu khác</b>					
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Lãi dự thu	890.527.778	-	
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Lãi dự thu	9.415.520.550	7.711.301.370	
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	4.725.000	
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con	Chi hộ	64.837.500	143.377.500	
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	51.187.500	51.187.500	
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bén	Công ty con	Chi hộ	-	189.000.000	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000	
			<b>10.501.273.328</b>	<b>8.178.791.370</b>	
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Cho vay	121.400.000.000	153.000.000.000	
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty con	Cho vay	46.000.000.000	-	
			<b>167.400.000.000</b>	<b>153.000.000.000</b>	
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Gốc vay	882.840.000.000	-	
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con gián tiếp	Gốc vay	-	25.000.000.000	
			<b>882.840.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>
Tiền lương, thù lao	5.342.619.231	1.835.000.000
Khác	665.000.000	540.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.007.619.231</u></b>	<b><u>2.375.000.000</u></b>

**25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**26. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

*Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2022, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dưới 1 năm	574.257.000	2.259.828.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>574.257.000</u></b>	<b><u>2.259.828.000</u></b>

**27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

**28. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ 3/2022 SO VỚI QUÝ 3/2021**

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin định kỳ và giải trình số liệu của tổ chức niêm yết. Công ty giải trình biến động kết quả kinh doanh như sau:

Quý 3 năm 2022, Công ty ghi nhận lỗ 38,9 tỷ đồng. Công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn, tại Công ty mẹ phát sinh các khoản chi phí chủ yếu là các chi phí quản lý, chi phí tài chính từ việc phát hành trái phiếu để đầu tư vào các công ty thành viên và vay ngân hàng phục vụ nhu cầu vốn lưu động. Nguồn thu nhập chính của Công ty mẹ là từ cổ tức được chia từ các công ty con và các khoản doanh thu tài chính khác. Quý 3 năm 2022 kế hoạch chi trả cổ tức của các công ty con có thay đổi so với cùng kỳ 2021.

Người lập biểu

Trần Thị Trang

Kế toán trưởng

Văn Thị Ngọc Ánh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Trà My

Ngày 28 tháng 10 năm 2022